

23. HỘI ĐỒNG GIAO SƯ LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC-XÃ HỘI HỌC-CHÍNH TRỊ HỌC

a) Các chuyên ngành (Specializations):

23.1. Triết học (Philosophy), gồm: Lịch sử triết học; Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Logic học; Đạo đức học; Mỹ học; Triết học trong khoa học tự nhiên; Triết học xã hội; Triết học văn hóa; Triết học phương Tây; Triết học phương Đông; Tôn giáo học.

23.2. Xã hội học (Sociology), gồm: Lịch sử xã hội học; Xã hội học chung; Xã hội học chính trị; Xã hội học quản lý; Xã hội học dân sự; Xã hội học giới và gia đình; Xã hội học macxit; Xã hội học phương Tây hiện đại.

23.3. Chính trị học (Political science), gồm: Lịch sử chính trị học; Chính trị học chung; Chính trị học quốc tế; Chính trị học so sánh; Quan hệ quốc tế; Nhà nước pháp quyền; Chính sách công và quản trị công; Chính đảng và xây dựng đảng; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	- Thuộc Web of Science (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI); Danh mục Scopus - Có hệ số ảnh hưởng hoặc (và) chỉ số trích dẫn vượt trội	0 – 2,0 0 – 3,0
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác (không thuộc ISI, SCOPUS)		Tạp chí	Do HĐGS liên ngành quyết định cụ thể từng trường hợp.	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 No online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế viết bằng tiếng Anh.		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện, có chỉ số ISBN	0 – 1,0
4.	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu, có phản biện, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 – 0,50
5.	Châu Mỹ ngày nay	2354-0745 (0868-3654)	Tạp chí	Viện NC Châu Mỹ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,75
6.	Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ	1859-3801	Tạp chí	Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,50
7.	Chủ nghĩa xã hội – Lý luận và thực tiễn	2615-9473	Tạp chí	Viện Chủ nghĩa XHKH, HV Chính trị quốc gia HCM	0 – 0,25 từ 2020 0 – 0,5 từ 2022
8.	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 – 1,0
9.	Công tác Tôn giáo	1859-1760	Tạp chí	Ban Tôn giáo Chính phủ	0 – 0,25
10.	Dân chủ & Pháp luật	9866-7535	Tạp chí	Bộ Tư pháp	0 – 0,25
11.	Dân tộc học	0866-7632	Tạp chí	Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,50
12.	Đối ngoại	1859-2899	Tạp chí	Ban Đối ngoại Trung ương	0 – 0,50

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-HĐGSNN ngày 06 tháng 7 năm 2022)

13.	Giáo dục (tiếng Việt và tiếng Anh)	2354-0753-V 2588-1477-E e-2815-5572 (1859-2937)	Tạp chí	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2021
14.	Giáo dục lý luận	0866-7411	Tạp chí	HV Chính trị Khu vực I, HV Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,50
15.	Giáo dục Lý luận Chính trị quân sự	1859-056x	Tạp chí	Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng	0 – 0,50
16.	Khoa học	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2022
17.	Khoa học	1859-3453	Tạp chí	Trường ĐH Mở TP. HCM	0 – 0,50
18.	Ho Chi Minh City Open University Journal of Science-Social Sciences	2734-9357-E e-2734-9624	Tạp chí ACI	Trường ĐH Mở Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,25 (Xã hội học) từ 2022
19.	Khoa học	1859-3208	Tạp chí	Trường ĐH Sài Gòn	0 – 0,50
20.	Khoa học	2525-2429	Tạp chí	Trường ĐH Văn Lang	0 – 0,25 từ 2019 0 – 0,5 từ 2022
21.	Khoa học Chính trị	1859-0187	Tạp chí	HV Chính trị Khu vực II, HV Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,50
22.	Khoa học Đại học Đà Lạt	0866-7887X	Tạp chí	Trường ĐH Đà Lạt	0 – 0,25 từ 2019
23.	Khoa học ĐH Huế: Khoa học xã hội và nhân văn	2588-1213 e-2615-9724	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25
24.	Khoa học Giáo dục Việt Nam (Tên cũ: Khoa học Giáo dục)	2615-8957-V 2615-8965-E (0868-3662)	Tạp chí	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam	0 – 0,25
25.	Khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam	2615-9007	Tạp chí	Học viện Phụ nữ Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020 0 – 0,5 từ 2022
26.	Khoa học Nội vụ	2354-1113	Tạp chí	Trường ĐH Nội vụ Hà Nội	0 – 0,5 từ 2017
27.	Khoa học Quốc tế AGU (bao gồm cả Khoa học)	0866-8086	Tạp chí	Trường Đại học An Giang	0 – 0,25 từ 2017
28.	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,25 0 – 0,50 từ 2017
29.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2017 0 – 0,5 từ 2019
30.	Khoa học xã hội (Thành phố Hồ Chí Minh)	1859-0136	Tạp chí	Viện KHXH vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2020
31.	Khoa học xã hội miền Trung	1859-2635	Tạp chí	Viện KHXH vùng Trung Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020 0 – 0,5 từ 2022

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-HDGSNN ngày 06 tháng 7 năm 2022)

32.	Khoa học xã hội Tây Nguyên	1859-4042	Tạp chí	Viện KHXH vùng Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020
33.	Khoa học xã hội và nhân văn	2354-1172	Tạp chí	Trường ĐH KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,75 từ 2017
34.	Khoa học xã hội Việt Nam (tiếng Việt và tiếng Anh)	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2019
35.	Khoa học xã hội, Nhân văn và Giáo dục	1859-4603	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm, ĐH Đà Nẵng	0 – 0,25 từ 2021
36.	Khoa học: Khoa học xã hội	2354-1067 (0868-3719)	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	0 – 0,25
37.	Khoa học: Khoa học xã hội và Nhân văn	1859-3100	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,25
38.	Lao động và Công đoàn	0866-7578	Tạp chí	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	0 – 0,25
39.	Lịch sử Đảng	3936-8477	Tạp chí	Viện Lịch sử Đảng, HV Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,50
40.	Lịch sử quân sự	2588-1310 0868-7683	Tạp chí	Viện Nghiên cứu lịch sử quân sự Việt Nam, Bộ Quốc phòng	0 – 0,25
41.	Lý luận chính trị (kể cả Nghiên cứu lý luận)	p-2525-2585 e-2525-2607 2525-2593-E (0868-2771)	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 1,0
42.	Lý luận chính trị Công an nhân dân	2354-1393	Tạp chí	Học viện Chính trị Công an nhân dân	0 – 0,25 từ 2020
43.	Lý luận chính trị và truyền thông (tính cả Báo chí và Tuyên truyền)	1859-1485	Tạp chí	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2020
44.	Nghiên cứu Địa lý nhân văn	2354-0648	Tạp chí	Viện Địa lý nhân văn, Viện HLKHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2021
45.	Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á (Cũ: Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á)	0886-7314	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,50 từ 2017
46.	Nghiên cứu Châu Âu	0868-3581	Tạp chí	Viện NC Châu Âu, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,75
47.	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	1859-0519	Tạp chí	Viện NC Châu Phi và Trung Đông, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,25 từ 2019
48.	Nghiên cứu Con người	2815-5777 (0328-1557)	Tạp chí	Viện NC Con người, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,75

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-HĐGSNN ngày 06 tháng 7 năm 2022)

49.	Nghiên cứu dân tộc	0886-773X	Tạp chí	Học viện Dân tộc, Ủy Ban Dân tộc	0 – 0,25 từ 2017 0 – 0,50 từ 2020
50.	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tính cả Nghiên cứu Nhật Bản)	2354-077X (0868-3646)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,50
51.	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868-2739	Tạp chí	Viện Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,75
52.	Nghiên cứu Gia đình và Giới (tiếng Việt và tiếng Anh)	1859-1361-V 1859-1329-E	Tạp chí	Viện nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2019 0 – 0,5 từ 2021 0 – 0,75 từ 2022
53.	Nghiên cứu Hồ Chí Minh	2525-2550	Tạp chí	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, HV Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2019 0 – 0,5 từ 2022
54.	Nghiên cứu Lịch sử	0866-7497	Tạp chí	Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,50
55.	Nghiên cứu Quốc tế (tiếng Việt và tiếng Anh)	1859-0608	Tạp chí	Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao	0 – 0,75
56.	Nghiên cứu Tôn giáo	1859-0403	Tạp chí	Viện NC Tôn giáo, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,75
57.	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện NC Trung Quốc, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2021
58.	Nghiên cứu văn hóa Việt Nam (cả Văn hoá dân gian)	0866-7284	Tạp chí	Viện NC Văn hóa, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25
59.	Nhà nước và Pháp luật	1021-0547 (0866-7446)	Tạp chí	Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,50
60.	Nhân lực khoa học xã hội	0866-756X	Tạp chí	Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25 0 – 0,50 từ 2017 0 – 0,75 từ 2020
61.	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới	0868-2984	Tạp chí	Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Hàn lâm KHXHVN	0 – 0,25 từ 2021
62.	Nội chính	0866-7934	Tạp chí	Ban Nội chính Trung ương	0 – 0,50 từ 2017
63.	Phát triển bền vững vùng	2354-0729	Tạp chí	Viện NC phát triển bền vững Vùng, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,25 từ 2017 0 – 0,5 từ 2019
64.	Phát triển Nhân lực	1859-2732	Tạp chí	Học viện Cán bộ Tp. HCM	0 – 0,25 từ 2021
65.	Quan hệ Quốc phòng	1859-3739	Tạp chí	Viện Quan hệ quốc tế về quốc phòng, Bộ Quốc phòng	0 – 0,25 từ 2019
66.	Quản lý nhà nước - State Management Review	2354-0761 e-2815-5831	Tạp chí	Học viện Hành chính Quốc gia	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2022 (Triết, Ch.trị học)

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-HĐGSNN ngày 06 tháng 7 năm 2022)

		2815-6021-E			
67.	Quốc phòng toàn dân	0866-7527	Tạp chí	Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam	0 – 0,50
68.	Sinh hoạt lý luận	0868-3247	Tạp chí	HV Chính trị Khu vực III, HV Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,50
69.	Thông tin Khoa học Chính trị	2354-1474	Tạp chí	Học viện Chính trị Khu vực IV, Học viện CTQG HCM	0 – 0,25 từ 2021
70.	Thông tin Khoa học Lý luận chính trị	2354-1040	Tạp chí	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2019 0 – 0,5 từ 2022 (Triết, Chtrị học)
71.	Thông tin Khoa học xã hội	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2020
72.	Tổ chức nhà nước	2588-137X (0868-7683)	Tạp chí	Bộ Nội vụ	0 – 0,50 0 – 0,75 từ 2022 (Chính trị học)
73.	Triết học (tiếng Việt và tiếng Anh)	1011-9833 (0866-7632)	Tạp chí	Viện Triết học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 1,0
74.	Tuyên giáo (tính cả: Khoa giáo, Tư tưởng văn hóa; Công tác tư tưởng lý luận)	1859-2295	Tạp chí	Ban Tuyên giáo Trung ương	0 – 0,50
75.	Văn hóa nghệ thuật	0866-8655	Tạp chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,50
76.	Xã hội học (tiếng Việt; tiếng Anh từ 2019)	0866-7659	Tạp chí	Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 1,0
77.	Xây dựng Đảng	1859-0829 e-1859-1019 (0886-8442)	Tạp chí	Ban Tổ chức Trung ương	0 – 0,25
78.	Thanh niên	2734-9039	Tạp chí	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2021
79.	Nguồn nhân lực và An sinh xã hội	2815-5610	Tạp chí	Trường ĐH Lao động Xã hội, Bộ LĐ-TB&XH	0 – 0,25 từ 2022
80.	Chính trị và Phát triển	1859-2457	Tạp chí	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật	0 – 0,25 từ 2022
81.	Khoa học	2354-1431	Tạp chí	Trường Đại học Tân Trào	0 – 0,25 từ 2022
82.	VMOSt Journal of Social Sciences and Humanities	2734-9748	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2022
83.	Nghiên cứu khoa học	1859-4190	Tạp chí	Trường Đại học Sao Đỏ	0 – 0,25 từ 2022
84.	Nghiên cứu Triết học	2734-990X	Tạp chí	Hội Triết học	0 – 0,25 từ 2022